

Bản án số: 341/2018/HS-PT
Ngày 29 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn;
Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 855/2016/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2015 đối với bị cáo Phan Thiên H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 395/2015/HS-ST ngày 10 và 11 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị:

1/ Phan Thiên H; Giới tính: Nam; sinh ngày 22/01/1980, tại Bình Dương; Trú tại: 300/52 XVNT, Phường 21, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 1353/3 Đại lộ BD, phường HA, thành phố TD 1, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng môi giới Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phan Hoàng H1- sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Mỹ Ph, sinh năm 1956; vợ Hoàng Phú Đoàn Tr (đã ly hôn) con 01 người 11 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giữ ngày 15/10/2012 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/11/2015 (có mặt).

2/ Nguyễn Ngọc Ph1; Giới tính: Nam; sinh ngày 09/10/1976, tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: 540 HVT, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nghề nghiệp: Nguyên Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1931 (chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1939; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Th, con 03 người (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/8/2013 (có mặt).

3/ Lê Thị Phương A; Giới tính: Nữ; sinh ngày 29/01/1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại 153 LVC, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên nhân viên môi giới Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ; Trình độ học vấn: Đại học kinh tế; con ông Lê Đình H2, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1949; Chồng Trần Khải Quốc V, con 01 người sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày: 26/8/2013 (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/ Luật sư Bùi Công H4, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phan Thiên H (có mặt).

2/ Luật sư Đoàn Thế Ph2, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ph1 (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ.

Địa chỉ: 80 VVT, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 11 NTD, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Huệ L (vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. NLQ1, sinh năm 1981 tại Thừa Thiên – Huế; thường trú: 52C, ấp AS, Phường 1, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: căn hộ 8.15, chung cư TA 2, phường DHT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

2/. NLQ2; sinh năm 1982; thường trú: 1353/3 Đại lộ BD, phường HA, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

3/. NLQ3, sinh năm 1956; thường trú: 1353/3 Đại lộ Bình Dương, phường HA, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

4/. NLQ4, sinh năm 1949; thường trú: 153 LVC, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt không có lý do).

5/. NLQ5, sinh năm 1971; thường trú: MX, TT, Bà Rịa – Vũng Tàu; tạm trú: 153 LVCí, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt không có lý do).

6/. NLQ6, sinh năm 1974; Thường trú: 153 LVC, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt không có lý do).

7/. NLQ7; sinh năm 1984 tại Vĩnh Phúc; thường trú: 38/15 đường số 3, khu phố 6, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt không có lý do).

8/. NLQ8; sinh năm 1980 tại Hải Phòng; thường trú: 306 lô F chung cư PXL, Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 68/12 TQĐ ,Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ (gọi tắt là VDSE) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động số 76/UBCK-GP ngày 01/2/2008 địa chỉ: 80 VVT, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, do bà Đỗ Sông H3 - Tổng giám đốc, ông Nguyễn Thanh T - Giám đốc, đại diện theo pháp luật. Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán. Quá trình hoạt động Công ty VĐ triển khai nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) liên quan đến việc tổ chức, quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại HNX (giao dịch trên thị trường UPCoM). Chứng khoán được giao dịch gồm cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi trên thị trường UPCoM. Phương thức giao dịch thoả thuận gồm 2 hình thức: Thoả thuận điện tử và thoả thuận thông thường. Phần mềm giao dịch của VDSE là BOSCO.

Tại bản hướng dẫn giao dịch chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ như sau:

Thoả thuận điện tử:

- Là hình thức giao dịch trong đó đại diện giao dịch VDSE nhập lệnh vào hệ thống giao dịch với các điều kiện giao dịch đã được xác định và lựa chọn lệnh đối ứng phù hợp để thực hiện giao dịch.

- Áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư (NĐT) có nhu cầu mua bán chứng khoán nhưng không tự tìm được đối tác để thực hiện giao dịch.

- Khi NĐT đặt lệnh, đại diện giao dịch VDSE tìm các lệnh đối ứng trên bảng điện tử của hệ thống đăng ký giao dịch phù hợp yêu cầu giao dịch của NĐT rồi nhập lệnh với các điều kiện giao dịch đã được xác định để thực hiện lệnh giao dịch cho NĐT...

- Đối với các lệnh thoả thuận chưa thực hiện: đại diện giao dịch VDSE được phép sửa, huỷ lệnh theo yêu cầu NĐT...(BL.179e)

Về việc mở tài khoản:

- Để thực hiện giao dịch mua bán chứng khoán tại VDSE, NĐT phải mở một tài khoản giao dịch chứng khoán...

- Tài khoản giao dịch chứng khoán (GDCK) dùng chung cho Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNSE) và giao dịch chứng khoán trên thị trường UPCoM...

Thủ tục mở tài khoản GDCK tại VDSE: nhân viên môi giới của VDSE hướng dẫn NĐT: Giấy đề nghị mở tài khoản GDCK, hợp đồng mở tài khoản GDCK và giấy đăng ký GDCK bằng điện tử và đối với cá nhân NĐT kèm theo giấy CMND hoặc giấy uỷ quyền (nếu cho người khác thực hiện việc giao dịch).

Mở tài khoản tiền tại ngân hàng: Để giao dịch chứng khoán tại VDSE, NĐT phải có mở tài khoản tiền tại các ngân hàng mà VDSE đã liên kết...

Về lưu ký chứng khoán: NĐT đang sở hữu chứng khoán của VDSE niêm yết dưới dạng chứng chỉ phải lưu ký chứng khoán trước khi giao dịch...

Khi đã có tiền, chứng khoán trong tài khoản, NĐT có quyền thực hiện giao dịch mua bán chứng khoán.

Ngày 01/3/2008 Công ty VĐ ký hợp đồng lao động số: 002/2009/HĐLĐ-VDSE với Nguyễn Ngọc Ph1, chức danh Phó tổng giám đốc, phụ trách khối hoạt động kinh doanh, môi giới chứng khoán (BL.182).

Ngày 29/8/2009, Công ty VĐ ký hợp đồng lao động số: 098/2009/HĐLĐ-VDSE3 với Phan Thiên H, chức danh – Trưởng Phòng Môi giới. Theo đó, H được phân công quản lý các hoạt động kinh doanh chứng khoán như: đặt lệnh, theo dõi, cập nhật kết quả giao dịch chứng khoán; thực hiện nghiệp vụ lưu ký chứng khoán cho khách hàng; cung cấp các dịch vụ, thực hiện nghiệp vụ cầm cố chứng khoán, cho vay chứng khoán; phát triển và tìm kiếm khách hàng.... để thực hiện nghiệp vụ này H được quyền truy cập và thực hiện trên phần mềm Bosc của công ty VĐ (BL.180)

Ngày 27/10/2009, Công ty VĐ ký hợp đồng lao động số: 127/2009/HĐLĐ-VDSE3 với Lê Thị Phương A, chức danh nhân viên phòng môi giới, giao dịch chứng khoán (BL.180)

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Phan Thiên H cấu kết với Nguyễn Ngọc Ph1 (Phó tổng giám đốc công ty VĐ) thực hiện việc lưu ký “khổng” chứng khoán VDSE (bán “khổng”), đồng thời chỉ đạo Lê Thị Phương A nhân viên môi giới - lưu ký “khổng”, cụ thể như sau:

Phan Thiên H mượn tài khoản giao dịch chứng khoán của NLQ1 (bạn H) số 087645(645) và tài khoản tiền gửi thanh toán số 6492309 tại Ngân hàng ACB để giao dịch. Mượn chứng minh thư nhân dân (CMND) của thân nhân mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty VĐ: CMND của NLQ2 (em ruột H) mở

tài khoản giao dịch chứng khoán 087C000678 (678) và tài khoản tiền gửi thanh toán số 38813139 đứng tên NLQ2; CMND của Nguyễn Thị Mỹ Ph (mẹ ruột H) mở tài khoản giao dịch chứng khoán 087C001178 (1178) và tài khoản tiền gửi thanh toán số 66320419 đứng tên Nguyễn Thị Mỹ Ph. Các cá nhân này đều ủy quyền cho Phan Thiên H toàn quyền sử dụng các tài khoản trên.

Ngoài ra, H cũng đề nghị Lê Thị Phương A mượn 03 giấy CMND của người thân, mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty VĐ cùng tài khoản thanh toán tiền giao dịch chứng khoán tại ngân hàng ACB, ủy quyền cho Lê Thị Phương A toàn quyền sử dụng để làm theo sự chỉ đạo của H như sau: Mở tài khoản giao dịch chứng khoán 087C004949 (1949) cùng tài khoản tiền gửi 68656209 đứng tên NLQ4; Tài khoản giao dịch chứng khoán 087C000787 (787) và tài khoản tiền gửi thanh toán số 69589579 đứng tên NLQ5; Tài khoản chứng khoán số 087C001974 (1974) và tài khoản tiền gửi thanh toán số 68877149 đứng tên NLQ6.

Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1 và Lê Thị Phương A đã dùng thủ đoạn lưu ký “không” để chiếm đoạt tài sản của Công ty VĐ thông qua các tài khoản trên theo chi tiết dưới đây:

1. Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1 cùng lưu ký “không” Cổ phiếu (CP) ACB trên tài khoản 087C000645 đứng tên NLQ1:

- Mặc dù tài khoản GDCK 645 mang tên NLQ1 không có cổ phiếu ACB nhưng ngày 24/8/2009 H vẫn trực tiếp lưu ký “không” 11.000 cổ phiếu ACB trên tài khoản này và khớp lệnh với mệnh giá 48.000đ/CP (bốn mươi tám nghìn đồng một cổ phiếu), thành tiền 528.000.000đ (năm trăm hai mươi tám triệu đồng). Số tiền này H sử dụng như sau:

Sau khi khớp lệnh 11.000 cổ phiếu ACB trên, H chỉ đạo Nguyễn Thu Tr1 – nhân viên môi giới - ký giả chữ ký khách hàng NLQ1 làm thủ tục vay tiền bằng hình thức “ứng trước tiền bán chứng khoán” lấy số tiền 526.680.000đ chuyển vào tài khoản 678 đứng tên NLQ2 để trả tiền mua chứng khoán ngày 20/8/2009 của tài khoản này; thanh toán phí bán chứng khoán số tiền 528.000đ; thanh toán phí ứng trước 792.000đ. Sau đó hoàn ứng ngày 28/8/2009 (khi tiền về tài khoản).

- Ngày 28/8/2009, H tiếp tục lưu ký “không” 39.000 cổ phiếu ACB. Tuy nhiên chỉ có 29.000 cổ phiếu giao dịch được (còn 10.000 cổ phiếu “không” vẫn nằm trong tài khoản 645). Trong đó có 20.700 cổ phiếu bán với mệnh giá 47.200đ/CP; 8.300 cổ phiếu bán với mệnh giá 47.300đ/CP. Tổng số tiền thu được là 1.369.630.000đ và sử dụng khoản tiền này như sau:

+ Ngày 28/8/2009, H chỉ đạo Nguyễn Thu Tr1 giả chữ ký khách hàng làm thủ tục vay tiền bằng hình thức “Ứng trước tiền bán chứng khoán”. Sau đó chuyển 1.364.155.000đ vào tài khoản 678 để thanh toán tiền mua chứng khoán

ngày 25/8/2009 và hoàn ứng vào ngày 04/9/2009; thanh toán 1.369.630đ phí bán chứng khoán, 4.105.370đ phí ứng trước tiền bán chứng khoán.

- Ngày 12/11/2009, H mua lại 40.000 cổ phiếu ACB với mệnh giá 41.700đ/CP bằng hình thức ứng tiền mua trả chậm trên tài khoản 645 trị giá 1.668.000.000đ để cân đối lại số dư chứng khoán đã lưu ký “khổng”. Tuy nhiên, sau khi 40.000 cổ phiếu ACB về tài khoản cộng với 10.000 cổ phiếu lưu ký “khổng” còn lại (số cổ phiếu lưu ký ngày 28/8/2009 chưa bán được), H chỉ đạo Nguyễn Thu Tr1 giả chữ ký khách hàng NLQ1 trên Hợp đồng cầm cố số 698/2009 ngày 16/11/2009 cho công ty chứng khoán VĐ lấy 1.027.500.000đ để thanh toán một phần tiền ứng trước ngày 12/11/2009.

Như vậy, với thủ đoạn lưu ký “khổng” như trên, H và P1 đã chiếm đoạt của công ty VĐ **1.027.500.000đ** (một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Phan Thiên H chỉ đạo Lê Thị Phương A lưu ký “khổng” các mã cổ phiếu EIB, PMC, DIG, SSI trên tài khoản 1949 - đứng tên NLQ4; Tài khoản 1974 - đứng tên NLQ6; tài khoản 787 - đứng tên NLQ5.

Bằng thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 12/2009, H chỉ đạo Lê Thị Phương A lưu ký “khổng” bốn mã cổ phiếu EIB, PMC, DIG, SSI với tổng số 159.300 cổ phiếu thành tiền 5.558.325.000đ (năm tỷ năm trăm năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Tài khoản GDCK 1949 đứng tên NLQ4: Ngày 23/11/2009, Phương A lưu ký “khổng” 20.000 cổ phiếu EIB, trong đó có 7000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 24.400đ/CP; 13.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 24.300đ/CP; Ngày 24/11/2009, Phương A tiếp tục lưu ký “khổng” 60.000 cổ phiếu EIB, trong đó có 45.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 23.400đ/CP và 15.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 23.600đ/CP; Ngày 26/11/2009 lưu ký “khổng” 46.000 cổ phiếu EIB, khớp lệnh với giá 21.500đ/CP. Tổng số tiền thu được qua việc lưu ký “khổng” mã EIB là 2.882.700.000đ (hai tỷ tám trăm tám mươi hai triệu bảy trăm nghìn).

- Tài khoản GDCK 1974 đứng tên NLQ6: Ngày 26/11/2009, Phương A lưu ký “khổng” 300 cổ phiếu PMC và khớp lệnh với giá 31.400đ/CP, thu được số tiền là 9.420.000đ.

- Tài khoản 787 đứng tên NLQ5: Ngày 30/11/2009, Phương A lưu ký “khổng” ba mã cổ phiếu DIG, PNJ và SSI thu về 2.666.205.000đ, cụ thể như sau: lưu ký “khổng” 15.000 cổ phiếu DIG, khớp lệnh với giá 101.000/CP thu về 1.515.000.000đ; lưu ký “khổng” 10.000 cổ phiếu PNJ, trong đó có 1.460 cổ phiếu khớp lệnh với giá 61.000đ/CP, 5.670 cổ phiếu khớp lệnh với giá 61.500đ/CP, 2.870 cổ phiếu khớp lệnh với giá 62.000đ/CP, thu về 615.705.000đ; lưu ký

“khổng” 8.000 cổ phiếu SSI, trong đó có 7.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 76.500đ/CP, 1.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 78.000đ/CP, thu về 535.500.000đ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc lưu ký “khổng” bốn mã cổ phiếu trên, Phan Thiên H chỉ đạo Phương A mua lại 30.000 cổ phiếu EIB, 15.000 cổ phiếu DIG để cân trừ một phần số lượng chứng khoán đã lưu ký “khổng”. Số tiền còn lại H đã chỉ đạo Phương A hoặc yêu cầu nhân viên môi giới thực hiện việc mua bán kinh doanh trên các tài khoản do H quản lý, sử dụng.

Khi sự việc thiếu hụt chứng khoán bị phát hiện, Công ty VD phải bỏ ra số tiền 3.386.996.140đ (ba tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi đồng) mua lại các mã chứng khoán đã bị lưu ký “khổng” trên nhằm khắc phục tình trạng lệch số dư trên các tài khoản lưu ký tại công ty VD, cụ thể như sau:

Ngày 09/12/2009 mua 300 cổ phiếu PMC với giá 29.600đ/CP hết 8.906.400đ (đã gồm phí); Mua 10.000 cổ phiếu PNJ, trong đó có 3.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 57.000đ/CP, 5.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 58.000đ/CP, 2.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 58.500đ/CP hết 578.867.000đ (đã cộng phí); Mua 8.000 cổ phiếu SSI hết 591.886.500đ, trong đó có 5.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 73.500đ/CP, 3.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 74.500đ/CP.

Ngày 16/12/2009 mua 96.000 cổ phiếu EIB hết 2.204.000.000đ trong đó có 20.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 22.800đ/CP, 20.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 22.900đ/CP, 36.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 23.000đ/CP, 20.000 cổ phiếu khớp lệnh với giá 23.100đ/CP.

Tại Cơ quan Điều tra, Phan Thiên H thừa nhận việc lưu ký “khổng” như trên. H khai mình làm theo sự chỉ đạo của Nguyễn Ngọc Ph1. Sau một thời gian kinh doanh do thua lỗ, Ph1 chỉ đạo H bằng miệng kêu Lê Thị Phương A mở thêm 03 tài khoản để lưu ký “khổng” nhằm lấy tiền chuyển sang các tài khoản 678, 1178 để tiếp tục kinh doanh. Mặc dù thừa nhận các tài khoản 546, 678, 1178, 1949, 1974, 787 đều hoạt động dưới sự điều khiển của H nhưng H không thừa nhận việc đã chỉ đạo Nguyễn Thu Tr1 giả chữ ký khách hàng NLQ1 trên các hợp đồng ứng trước, cầm cố của tài khoản 645.

Nguyễn Ngọc Ph1 thừa nhận có bàn bạc, thỏa thuận và đồng ý với việc lưu ký “khổng” 50.000 cổ phiếu ACB trên tài khoản 678, tỷ lệ ăn chia 50/50. Tuy nhiên sau khi việc lưu ký “khổng” thành công, Phước đã yêu cầu H mua lại 40.000 cổ phiếu để bù lại số lượng đã bán “khổng”. Thực tế H đã đặt lệnh mua lại 40.000 cổ phiếu ACB, nhưng khi lượng cổ phiếu này về tài khoản, cộng với 10.000 cổ phiếu “khổng” (còn trong tài khoản) H đã mang đi cầm cố thì Ph1 không biết. Ph1 chưa được hưởng lợi gì. Đối với các tài khoản còn lại Phước cho rằng mình không chỉ đạo H thực hiện.

Lê Thị Phương A thừa nhận hành vi lưu ký “khống” của mình và khai nhận: Các hoạt động mở tài khoản sau đó mua bán kinh doanh chứng khoán trên các tài khoản này đều do Phương A thực hiện xuất phát trên mối quan hệ tình cảm cá nhân, đồng thời H là cấp trên trực tiếp của mình. Phương A cho rằng mình không hưởng lợi gì từ hành vi lưu ký “khống”.

Nguyễn Thu Tr1 khai: Trang là nhân viên được phân công quản lý 02 tài khoản 645 đứng tên NLQ1 và tài khoản 678 đứng tên NLQ2. Việc thực hiện các hoạt động kinh doanh như đặt lệnh mua, bán chứng khoán, cầm cố, ứng trước... đều do Phan Thiên H chỉ đạo thực hiện qua yahoo chat, mẫu giấy viết tay, hoặc bằng miệng. Trang không biết nguồn gốc chứng khoán cầm cố là chứng khoán GDCK “khống”. Việc Trang ký giả chữ ký khách hàng NLQ1 trên Hợp đồng vay vốn ứng trước tiền bán chứng khoán, cũng như hợp đồng cầm cố CK số 698/2009 ngày 16/11/2009 theo yêu cầu của H nhằm mục đích tạo thuận lợi cho khách hàng giao dịch được nhanh chóng. Đây là việc làm phổ biến của nhiều nhân viên trong thời điểm này.

NLQ8 – nhân viên môi giới khai: NLQ8 được giao nhiệm vụ quản lý, thực hiện các dịch vụ kinh doanh chứng khoán của các tài khoản 1178, 1949, 787, 1974. Nhưng các tài khoản này Phan Thiên H là người quản lý, sử dụng để thực hiện các giao dịch chứng khoán, thể hiện rõ nội dung trao đổi trên yahoo chat giữa NLQ8 và H.

Các chủ tài khoản: NLQ1, NLQ2, Nguyễn Mỹ Ph thừa việc mở tài khoản giao dịch chứng khoán 645, 678, 1178 và giao cho Phan Thiên H sử dụng, đồng thời ủy quyền cho H toàn quyền sử dụng tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng ACB. Ngoài ra họ không giao cho ai khác, việc H kinh doanh như thế nào họ cũng không biết.

Các chủ tài khoản: NLQ4, NLQ5, NLQ6 thừa nhận có mở tài khoản chứng khoán 1949, 1974, 787 để Lê Thị Phương A mượn sử dụng kinh doanh chứng khoán, đồng thời ủy quyền cho Phương A toàn quyền sử dụng tài khoản tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng ACB.

Xác minh tại Công ty Chứng khoán VĐ: Liên quan đến các tài khoản có thực hiện việc lưu ký “khống” chứng khoán, Công ty VĐ xác định không có chứng từ nào thể hiện việc các chủ tài khoản có ký gửi các mã chứng khoán trên. Không có chứng cứ chứng minh quyền sở hữu của các chủ tài khoản đối với số lượng đã lưu ký “khống”. Công ty VĐ cũng không gửi hồ sơ nào đề nghị Trung tâm lưu ký tiến hành tái lưu ký chứng khoán cho các mã nêu trên.

Xác minh tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (Trung tâm lưu ký) tại Thành phố Hồ Chí Minh: Việc lưu ký chứng khoán của khách hàng tại Trung tâm lưu ký được quản lý theo 02 cấp: Khách hàng lưu ký chứng khoán tại

thành viên lưu ký là Công ty Chứng khoán và Thành viên lưu ký tái lưu ký chứng khoán của khách hàng tại Trung tâm lưu ký. Chứng khoán chưa được giao dịch bán khi chưa được Trung tâm lưu ký hạch toán vào tài khoản chứng khoán giao dịch của thành viên. Việc tái lưu ký chỉ được thực hiện khi nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký người sở hữu ban đầu hoặc danh sách chốt quyền và có sổ chứng nhận sở hữu do tổ chức phát hành cấp. Trung tâm lưu ký xác định: các cổ đông NLQ1, NLQ4, NLQ6, NLQ5 không có tên trên sổ đăng ký người sở hữu ban đầu hoặc danh sách chốt quyền vào năm 2009 đối với các mã chứng khoán đã lưu ký “không”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 395/2015/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Phan Thiên H**, **Nguyễn Ngọc Ph1** và **Lê Thị Phương A** phạm tội: “Sử dụng trái phép tài sản”.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 142; điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Phan Thiên H** 03 (ba) năm và 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2012.

Căn cứ khoản 5 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Phan Thiên H tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 142; điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 31 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Ngọc Ph1** 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 142; điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 47 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Lê Thị Phương A** 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

4. Đối với 5.444.812.046 đồng mà Công ty cổ phần Chứng khoán VĐ bán các chứng khoán của Phan Thiên H và Lê Thị Phương A, số chứng khoán còn lại trong tài khoản (ủy quyền cho Phan Thiên H và Lê Thị Phương A) hiện nay bao gồm: 4 cổ phần PNJ, 26.574 cổ phần DIG và 40.000 cổ phần KLS, 13.330 cổ phần BCI và số tiền 242.119.109 đồng, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho công ty, thuộc quyền định đoạt của Công ty chứng khoán VĐ.

5. Tách thành vụ kiện dân sự khác khi Công ty cổ phần Chứng khoán VĐ đòi bồi thường đối với những thiệt hại khác trong việc mua bán chứng khoán của các bị cáo nêu trên.

6. Áp dụng Điều 618 của Bộ luật dân sự.

Buộc Công ty cổ phần Chứng khoán VĐ hoàn trả số tiền: 1.618.667.134 (một tỷ, sáu trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi tư) đồng và các mã chứng khoán sau: 700 BMI. 100 FPT. 5,000 HLA. 1,220 LGC. 1,000 PNC. 293 STB. Trong tài khoản Nguyễn Ngọc Đức: 4 EIB. 5,000 HLA. 6,000 MCV. 2000 VIS. 1,500 VTL cho Nguyễn Ngọc Ph1.

7. Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự.

Trả lại cho ông Phan Hoàng H1 số tiền: 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 35/KNPT-P3 ngày 24/11/2015, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Ngày 23/11/2015, bị cáo Nguyễn Ngọc Ph1 có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 24/11/2015, bị cáo Lê Thị Phương A có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 26/11/2015, bị cáo Phan Thiên H có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 23/11/2015, nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và phân tích toàn bộ các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A là rất nguy hiểm cho xã hội. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A và xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Chấp nhận quyết định kháng nghị của

Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa quyết định án sơ thẩm theo hướng xử phạt các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo, vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo: Bị cáo Phan Thiên H từ 14 đến 15 năm tù; Bị cáo Nguyễn Ngọc Ph1 từ 7 đến 8 năm tù; Bị cáo Lê Thị Phương A từ 7 đến 8 năm tù.

Xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét lại phân trách nhiệm dân sự, vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử đối với nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do.

- Các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng không kêu oan, mà các bị cáo xin thay đổi kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, còn phải nuôi cha mẹ già và còn nhỏ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ có kháng cáo nhưng Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thiên H thống nhất theo nội dung của bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phan Thiên H tội “Sử dụng trái phép tài sản”. Luật sư phân tích toàn bộ nội dung vụ án, cho rằng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ, bởi vì bị cáo Hậu không có ý thức lừa đảo để chiếm đoạt tài sản như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vị luật sư cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là phạm tội “Sử dụng trái phép tài sản” thiệt hại gây ra đã được khắc phục xong. Từ đó vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Thiên H và bác quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

- Quan điểm của vị Luật sư bào cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ph1, cũng phân tích toàn bộ chứng cứ, nội dung vụ án; luật sư cho rằng bị cáo Ph1 không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo chỉ có hành vi sử dụng trái phép tài sản, cho rằng kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ, vị Luật sư đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Ph1, bị cáo Ph1 có nhiều nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Về phần trách nhiệm dân sự vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc Công ty chứng khoán VĐ trả lại số tiền cho bị cáo Phước và người có quyền lợi liên quan như đã xác nhận.

- Bị cáo Lê Thị Phương A cho rằng bị cáo chỉ mới vào Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ làm được hai tháng, bị cáo không có hành vi chiếm đoạt tài sản gì của công ty, bị cáo cũng không có hưởng lợi gì trong vụ việc này. Bị cáo không kháng cáo kêu oan như trong đơn kháng cáo đã nêu mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện phụng dưỡng cha mẹ già và chăm con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đơn kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử vắng mặt của Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ theo điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A đều thay đổi yêu cầu kháng cáo; các bị cáo không kháng cáo kêu oan nữa mà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo thừa toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo không khiếu nại gì về nội dung vụ án, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để giảm nhẹ hình phạt; đồng thời bị cáo Phước, bị cáo Phương A còn yêu cầu xin được miễn trách nhiệm hình sự. Xét thấy, lời khai của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A đã phạm vào tội “Sử dụng trái phép tài sản”. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm xét xử các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A, phạm tội “Sử dụng trái phép tài sản” theo khoản 3 Điều 142 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A gây ra đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền lợi của Công ty chứng khoán VĐ được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự trị an xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, nhưng do ý thức xem thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi cá nhân, nên các bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội, tạo ra sự bất bình trong xã hội, nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm đối với các bị cáo nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[3] Xét thấy, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết định khung tăng nặng như gây thiệt hại tài sản có giá trị từ năm trăm triệu trở lên, các tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đặc biệt, Công ty chứng khoán VĐ đã giải tỏa các tài khoản chứng khoán mà các bị cáo đứng tên và được ủy quyền để khắc phục toàn bộ hậu quả do các bị cáo gây ra. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo như đã nêu trên là phù hợp; tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng như quan điểm của vị kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy đối với hành vi của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà hành vi của các bị cáo chỉ cấu thành tội “Sử dụng trái phép tài sản” như án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng như quan điểm của vị kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A; Hội đồng xét xử xét thấy: Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ; Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối với những thiệt hại mà Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ chưa đưa ra chứng cứ để chứng minh thì được tách ra thành vụ kiện dân sự khi Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ có yêu cầu là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho thiệt hại khác do các bị cáo gây ra cho Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các phần trách nhiệm dân sự khác Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thiệt hại thực tế, căn cứ vào tài liệu chứng cứ để tuyên buộc trách nhiệm hoàn trả của các bên là đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A.

- Không chấp nhận kháng của nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần chứng khoán VĐ.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 395/2015/HSST ngày 11/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo **Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1 và Lê Thị Phương A** phạm tội: “Sử dụng trái phép tài sản”.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 142; điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Phan Thiên H** 03 (ba) năm và 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2012.

Căn cứ khoản 5 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Phan Thiên H tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 142; điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47; Điều 31 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Ngọc Ph1** 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 142; điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Lê Thị Phương A** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị Phương A cho Ủy ban nhân dân phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

4. Đối với 5.444.812.046 đồng mà Công ty cổ phần Chứng khoán VĐ bán các chứng khoán của Phan Thiên H và Lê Thị Phương A, số chứng khoán còn lại trong tài khoản (ủy quyền cho Phan Thiên H và Lê Thị Phương A) hiện nay bao gồm: 4 cổ phần PNJ, 26.574 cổ phần DIG và 40.000 cổ phần KLS, 13.330 cổ phần BCI và số tiền 242.119.109 đồng, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho công ty, thuộc quyền định đoạt của Công ty chứng khoán VĐ.

5. Tách thành vụ kiện dân sự khác khi Công ty cổ phần Chứng khoán VĐ đòi bồi thường đối với những thiệt hại khác trong việc mua bán chứng khoán của các bị cáo nêu trên.

6. Áp dụng Điều 618 của Bộ luật dân sự.

Buộc Công ty cổ phần Chứng khoán VĐ hoàn trả số tiền: 1.618.667.134 (một tỷ, sáu trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi tư) đồng và các mã chứng khoán sau: 700 BMI. 100 FPT. 5,000 HLA. 1,220 LGC. 1,000 PNC. 293 STB. Trong tài khoản Nguyễn Ngọc Đức: 4 EIB. 5,000 HLA. 6,000 MCV. 2000 VIS. 1,500 VTL cho Nguyễn Ngọc Ph1.

7. Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự.

Trả lại cho ông Phan Hoàng H1 số tiền: 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

8/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phan Thiên H, Nguyễn Ngọc Ph1, Lê Thị Phương A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- BCTN (3)
- Các đương sự (9);
- Lưu: VP (3), HS (2), 37b. (ÁN HQ)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười